TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2019
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng - Ông Ngô Trọng Thế.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:128/2019/QĐXX-ST ngày 06/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐ-HPT ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Tạ Thị N, sinh ngày 25/04/1996.

Địa chỉ cư trú: xóm P, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Đình T - sinh ngày 26/7/1990.

Địa chỉ cư trú: xóm P, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản trình bày ý kiến của bị đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Chị Tạ Thị N và anh Phan Đình T cưới nhau vào tháng 3/2015, trước khi tiến tới hôn nhân anh, chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Chị N, anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2015, ngày 25/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu theo chị N trình bày là do tính tình vợ chồng không phù hợp, không tìm được hòa

hợp trong hôn nhân, anh T không có lập trường vững vàng, thường nghe lời mẹ đẻ gây chuyện, xử sự thiếu tôn trọng vợ dẫn đến vợ chồng mất tình cảm với nhau. Theo anh Phan Đình T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị N sống không trung thực dấu diếm những thông tin trong điện thoại, luôn giữa điện thoại bên mình làm cho chồng rất khó chịu, nên vợ chồng xung đột với nhau qua cách xử sự, có những lời nói không đúng mực với nhau. Mâu thuẫn xẩy ra ngày càng sâu sắc trầm trọng, vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau, dẫn đến hôn nhân đổ vỡ.

Do mâu thuẫn vợ chồng không sống được với nhau chị N đã bỏ về bên ngoại sống ly thân đối với anh T từ tháng 4/2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng đã tự hòa giải với nhau, anh T yêu cầu chị N sửa đổi tính cách lối sống để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị N xác định đã mất hết tình cảm, tình yêu đối với anh T, chị N không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc đoàn tụ gia đình. Chị N xác định hôn nhân giữa chị N và anh T đã tan rã đỗ vỡ không thể hàn gắn, đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Phan Đình T. Anh T cũng xác định hôn nhân giữa chị N và anh đã đổ vỡ không thể hàn gắn, anh đồng ý giải quyết ly hôn.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung cháu Phan Ngọc An N(Giới tính: nữ), sinh ngày 05/9/2016. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do anh T và bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên, nhưng mẹ của anh T gây khó dễ cho chị về việc thăm nuôi, chăm sóc con chung, nên thời gian gần đây chị Nga ít đi lại thăm con hơn. Trong nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị N yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại phiên tòa chị N trình bày chị đang có nhu cầu đi làm ăn xa phát triển kinh tế không có điều kiện trực tiếp nuôi con, đề nghị giao con chung cho anh T nuôi, chị sẽ thực hiện nghĩa vụ đối với con chung nếu anh T yêu cầu. Anh T cho rằng sau khi sống ly thân con chung sinh sống với bố và bà nội, giữa bố con, bà cháu sống rất có tình cảm đối với nhau không nên tách rời con chung ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của trẻ, anh T đề nghị giữ nguyên hiện trạng, giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Tạ Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Đình T sau khi gửi bản trình bày ý kiến cho tòa án, quá trình giải quyết vụ án tiếp theo,Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác để giải quyết, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến trình bày của anh trong quá trình hòa giải để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị Tạ Thị N cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị N, anh T cơ bản đúng như chị N trình bày .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị N, anh T có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Tạ Thị N có mặt, bị đơn anh Phan Đình T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị N, anh T.Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Phan Đình T.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Tạ Thị N và anh Phan Đình T đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện.Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2015, ngày 25/3/2015, qua đó thấy hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, sống thiếu niềm tin đối với nhau, mâu thuẫn xẩy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến hôn nhân đỗ vỡ, các bên sống ly thân từ cuối tháng 4/2018. Quá trình sống ly thân vợ chồng đã liên lạc hòa giải với nhau nhiều lần, nhưng chị N không chấp nhận đoàn tụ, không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh T thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tạ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Đình T là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Tạ Thị N và anh Phan Đình T.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, mặc dù con chung chưa đủ 36 tháng tuổi,

nhưng anh T vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người bố có trách nhiệm cao đối với con chung. Hơn nữa tại phiên tòa chị N trình bày chị đang có dự kiến đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, chị đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là sự tự nguyện, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Tạ Thị N.

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn thuộc nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tại biên bản trình bày ý kiến do anh T gửi đến tòa án, anh T cho rằng mình đang có điều kiện, khả năng nuôi con, chưa cần thiết chị N cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, do đó cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tạ Thị N cho đến lúc có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Tạ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Tạ Thị N phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị N được ly hôn anh Phan Đình T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phan Ngọc An N(Giới tính: nữ), sinh ngày 05/9/2016 cho anh Phan Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tạ Thị N cho đến lúc có yêu cầu.

Chị Tạ Thị N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc:ChịTạ Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003744 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án Yên Thành, chị Tạ Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận
- VKS H.Yên Thành- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã K(ĐKKH)
- Lưu hs, VP